

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **196/2025/DS-PT**

Ngày: 07 - 5 - 2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Văn Toàn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Sâm, ông Hoàng Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 133/2025/TLPT-DS ngày 20 tháng 01 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2024/DS-ST ngày 03/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/QĐ-PT ngày 20/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 177/QĐ-PT ngày 16/4/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vũ Hữu C, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số A L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (*Có mặt*).

- Bị đơn: Bà H N Êban, sinh năm 1959 và ông Y B Byă, sinh năm 1967; Địa chỉ: Buôn P, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (*Vắng mặt*).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Y B Byă: Ông Phạm Công H, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số A L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (theo văn bản ủy quyền ngày 19/11/2024) (*Có mặt*).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Chí T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số C A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (*Vắng mặt*).

2. Chị H' R Êban, sinh năm 1993; Anh Y N Êban, sinh năm 1994; Chị H' Q Êban, sinh năm 1995; Anh Y N Êban, sinh năm 1997; Anh Y D Êban, sinh năm 2000; Cùng địa chỉ: Buôn P, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (*Vắng mặt*).

*** Người kháng cáo:** Bị đơn Bà H N Êban và ông Y B Byă

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Vũ Hữu C trình bày:*

Ông C là người làm dịch vụ cho người khác vay tiền để đáo hạn Ngân hàng. Ông C và ông Phạm Chí T có mối quan hệ bạn bè quen biết nhau, ông T có giới thiệu vợ chồng bà H N Êban, ông Y B Byă cho ông C để vay tiền đáo hạn Ngân hàng. Do vợ chồng bà H N bị nợ xấu Ngân hàng không cho vay nên đã nhờ ông C cho vay tiền, sau đó vợ chồng bị đơn làm các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông C để ông C tiếp tục đi vay Ngân hàng cho vợ chồng bị đơn, các bên thỏa thuận miệng mỗi năm vợ chồng bị đơn sẽ trả cho ông C 50.000.000 đồng vì đứng tên vay giúp. Cụ thể những lần cho bị đơn vay như sau:

- Lần 1: Ngày 06/10/2016, ông C cho vợ chồng bị đơn vay 250.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng. Sau khi trả nợ Ngân hàng thì vợ chồng bị đơn đã xóa thể chấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất).

- Lần 2: Ngày 07/10/2016, ông C cho vợ chồng bị đơn vay tiếp 50.000.000 đồng để sửa nhà và mua phân bón. Đối với 02 lần vay này ông C và vợ chồng bị đơn thống nhất viết “*Giấy nhận tiền*” đề ngày 07/10/2016, theo nội dung giấy nhận tiền có cả vợ chồng bị đơn cùng các con ký vào, mục đích để thuận tiện cho việc sang tên GCNQSD đất, nhưng thực tế chỉ có vợ chồng bị đơn nhận tiền, có mặt ông Y K Niê là họ hàng của vợ chồng bị đơn ký người làm chứng, còn các con thì không có mặt, cũng không ký giấy nhận tiền.

- Lần 3: Cùng ngày 07/10/2016, tại nhà ông C, vợ chồng bị đơn vay tiếp số tiền 150.000.000 đồng để trả nợ cho ông T và nhận lại 01 GCNQSD đất trước đây đã cầm cố cho ông T. Do tin tưởng nên ông C không yêu cầu vợ chồng bị đơn viết giấy vay đối với khoản vay này.

Tổng cộng số tiền ông C đã cho vợ chồng bị đơn vay là 450.000.000 đồng, tất cả các lần vay nói trên đều thỏa thuận miệng lãi suất là 3%/tháng, thời hạn vay 05 năm theo thời hạn vay của Ngân hàng.

Năm 2023, vợ chồng bị đơn khởi kiện hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tại Bản án dân sự số 98/2023/DS-ST ngày 09/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và Bản án số 51/2024/DS-PT ngày 23/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu, tuy nhiên không giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu. Tại thông báo số 327/TB-VKS-DS ngày 14/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng trả lời không có căn cứ kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và cho rằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là giả tạo để che giấu hợp đồng vay tài sản. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, ông C đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bị đơn trả tiền cho ông C thì ông C sẽ trả luôn lại đất và GCNQSD đất cho vợ chồng bị đơn nhưng bị đơn không đồng ý mà vẫn tiếp tục khởi kiện.

Do chưa được giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu nên ông C làm đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bị đơn phải trả số tiền gốc 450.000.000 đồng và lãi suất từ ngày vay cho tới nay với mức lãi suất

0,83%/tháng. Sau đó, ông C thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bị đơn phải trả số tiền gốc 350.000.000 đồng và mức lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày vay. Lý do của việc thay đổi là do trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng bị đơn chỉ thừa nhận vay 350.000.000 đồng, bản thân ông C không có giấy vay để chứng minh khoản vay tổng cộng 450.000.000 đồng nên chỉ đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bị đơn trả số tiền đã vay là 350.000.000 đồng như vợ chồng bị đơn đã xác nhận tại Tòa án trước đây.

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Y B Byă là ông Phạm Công H trình bày:*

Năm 2015, ông Y B Byă và bà H N Êban có vay nợ Ngân hàng, do bị nợ xấu và không có khả năng trả nợ nên bị đơn thuê ông C đứng tên trên GCNQSD đất để làm thủ tục vay tiền cho vợ chồng bị đơn và trả tiền dịch vụ cho ông C. Việc thuê đứng tên và tiền dịch vụ vay lại như thế nào thì ông Y B1 không nắm rõ. Ông C đã thanh toán số tiền còn nợ ngân hàng là 250.000.000 đồng cho bị đơn và trả thay cho bị đơn số tiền 32.000.000 đồng nợ vay của ông Phạm Chí T để lấy GCNQSD đất đã cầm cố ra. Tổng cộng số tiền ông C đã chi trả cho bị đơn là 282.000.000 đồng. Các thỏa thuận trên giữa các bên chỉ thỏa thuận miệng, không có tài liệu chứng cứ và cũng không có người làm chứng.

Về lời khai của bị đơn khi làm việc tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk trước đây có nội dung: “*lãi suất thỏa thuận 1000.000.000đ/1ngàn đồng/ngày*” là do sai sót đánh máy. Tại phiên toà sơ thẩm, bị đơn xác định lời khai trước đây chưa đúng nên đề nghị Tòa án ghi nhận lãi suất thỏa thuận là 1000đồng/ 1.000.000 đồng/ 1ngày.

Hiện nay ông C khởi kiện thì bị đơn không đồng ý, yêu cầu ông C trả lại bìာ đồ cho bị đơn thì bị đơn sẽ xem xét trả lại tiền cho ông C.

** Bị đơn bà H N Êban và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Phạm Chí T, anh Y N Êban, anh Y N Êban, chị H' R Êban, chị H' Q Êban, anh Y D Êban và người làm chứng ông Y K Niê:* Đã được Toà án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

**** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2024/DS-ST ngày 03/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:***

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 157, điểm a, d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 305, 471, 474, 476, 478 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Hữu C.

Buộc bà H N Êban, ông Y B Byă có nghĩa vụ trả cho ông Vũ Hữu C số tiền 741.125.000 đồng, trong đó tiền gốc là: 350.000.000 đồng và tiền lãi là 391.125.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 07/12/2024, bị đơn bà H N Êban, ông Y B Byă kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà H N Êban vắng mặt không có lý do, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Y B Byă giữ nguyên nội dung kháng cáo.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm tại phiên tòa:**

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn bà H N Êban. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Y B Byă, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2024/DS-ST ngày 03/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà H N Êban, ông Y B Byă nộp trong hạn luật định và thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa, bà H N Êban đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 289 và khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, cần đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà H N Êban.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn ông Y B Byă thấy rằng:

[2.1] Ông C khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay gốc là 350.000.000 đồng, trong đó có 250.000.000 đồng ông C cho bị đơn vay để trả Ngân hàng và 50.000.000 đồng ông C cho bị đơn vay để sửa chữa nhà, mua phân bón, hai khoản này được bị đơn thống nhất viết “Giấy nhận tiền” đề ngày 07/10/2016, 50.000.000 đồng còn lại nằm trong số tiền ông C trả cho ông Phạm Chí T thay cho bị đơn để lấy GCNQSD đất về, tổng cộng là 350.000.000 đồng. Người đại diện theo uỷ quyền của ông Y B Byă không đồng ý với yêu cầu của ông C vì cho rằng bị đơn chỉ vay tổng cộng là 282.000.000 đồng, bao gồm 250.000.000 đồng ông C trả vào ngân hàng và 32.000.000 đồng ông C trả cho ông T thay cho bị đơn.

Xét, “Giấy nhận tiền” đề ngày 07/10/2016 có nội dung: “gia đình tôi gồm có: Y Bliêc B2, H N Êban....gia đình tôi có sang nhượng quyền sử dụng đất số 280347 QSDĐ/KH thửa số 8133Đ, 8132A...cho anh Vũ Hữu C... với số tiền

300.000.000đ...gia đình tôi tự nguyện viết giấy và không bị ép buộc. Đã nhận đủ số tiền trên...”. Bên dưới giấy này có chữ ký, điểm chỉ của vợ chồng bà H N Êban, ông Y B Byă. Tại Kết luận giám định số 1233/KL-KTHS ngày 25/9/2024 của Phòng K Công an tỉnh Đ đã kết luận tài liệu cần giám định này so với các mẫu so sánh chữ ký, dấu vân tay của bà H N Êban, ông Y B Byă là do cùng một người ký và viết ra (BL 124-125).

Trước đó, trong quá trình giải quyết tranh chấp liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông C và vợ chồng bị đơn thì người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn đều thừa nhận xuyên suốt, thống nhất nội dung có vay của ông C 250.000.000 đồng để trả cho ngân hàng B3 và 50.000.000 đồng để mua phân bón, cùng ngày 07/10/2016 các bên mới ký giấy nhận tiền, thực chất là giấy vay tiền, ngoài ra bị đơn cũng vay của ông T 50.000.000 đồng và đưa GCNQSD đất cho ông T để làm tin nhưng không trả được nợ nên nhờ ông C trả thay, không lập giấy tờ, tổng cộng bị đơn vay của ông C 350.000.000 đồng. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2023/DS-ST ngày 09/6/2023 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và Bản án dân sự phúc thẩm số 51/2024/DS-PT ngày 23/01/2024 đã nhận định: số tiền 300.000.000 đồng thể hiện trong giấy nhận tiền là tiền gia đình bà H N vay của ông C chứ không phải là tiền chuyển nhượng đất, các bên thiết lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mang tính giả tạo, không có thật nên tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng đất giữa các bên bị vô hiệu và chưa giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu do các đương sự chưa yêu cầu.

Như vậy, việc vợ chồng bị đơn có vay của ông C tổng cộng 350.000.000 đồng là có thật, Toà án cấp sơ thẩm buộc bị đơn thanh toán số tiền gốc trên cho ông C là có căn cứ.

[2.2] Đối với yêu cầu về lãi suất thấy rằng: Thời điểm ký kết hợp đồng vay là ngày 07/10/2016 nên Toà án cấp sơ thẩm áp dụng các quy định về hợp đồng vay tài sản theo Bộ luật dân sự năm 2005 là phù hợp. Cả ông C và vợ chồng bị đơn đều thừa nhận việc các bên có thoả thuận lãi suất bằng miệng là 1.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ tháng, tương đương 3%/ tháng là đã vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng N1 công bố nên cần tính lại lãi suất theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, từ ngày vay 06/10/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 03/12/2024 là: $350.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\% / \text{tháng} \times 8 \text{ năm} \times 12 \text{ tháng} = 391.125.000 \text{ đồng}$. Như vậy, bị đơn phải có nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi cho ông C tổng cộng là 741.125.000 đồng. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào thêm, do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Y B Byă, cần giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[3] Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu chi phí giám định là 8.000.000 đồng. Ông C được nhận lại số tiền trên sau khi thu được của bị đơn.

[4] Về án phí: Bị đơn là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn bà H N Êban.

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Y B Byă. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2024/DS-ST ngày 03/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Hữu C.

Buộc bà H N Êban, ông Y B Byă có nghĩa vụ trả cho ông Vũ Hữu C số tiền 741.125.000 đồng (*Bảy trăm bốn mươi một triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*), trong đó tiền gốc là: 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 03/12/2024 là 391.125.000 đồng (*Ba trăm chín mươi một triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng: Bà H N Êban, ông Y B Byă phải chịu số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*) chi phí giám định chữ ký, chữ viết và dấu vân tay. Ông Vũ Hữu C được nhận lại số tiền trên sau khi thu được từ bà H N Êban, ông Y B Byă.

3. Về án phí: Bà H N Êban và ông Y B Byă được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Vũ Hữu C số tiền 18.128.000 đồng (*Mười tám triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2024/0006798 ngày 10/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TA;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trịnh Văn Toàn